**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**CHỦ ĐỀ: THẾ GIỚI THỰC VẬT**

**THỜI GIAN: TỪ NGÀY 17/02/2025 ĐẾN NGÀY 14/03/2025**

**NHÓM, LỚP: MẪU GIÁO 4 TUỔI A1**

Số lượng trẻ trong lớp: 26

Số giáo viên/lớp, tên giáo viên: 02, Triệu Thị Thanh Thuý - Trương Thị Ngọc Thảo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG HÌNH THỨC TỔ CHỨC** |
| **1. Phát triển thể chất** | | |
| ***Phát triển vận động*** | | |
| **MT 1**: Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:  - Trẻ trai:  - Cân nặng: 14,1-24,2 kg  - Chiều cao: 100,7-119,2 cm  - Trẻ gái:  - Cân nặng: 13,7 -24,9 kg.  - Chiều cao: 13,7 -24,9 kg. | - Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. | - Trẻ biết ăn chín uống sôi, biết ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng. |
| **MT 2:** Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh. | - Hô hấp:  + Hít vào, thở ra.  + Làm động tác gà gáy  + Thổi nơ, bong bóng.  - Tay:  + Đưa tay ra phía trước gập khuỷu tay.  + Đưa 2 tay ra phía trước, về phía sau  + Đưa hai tay phía trước, sang hai bên kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay.  + Đưa 2 tay ra phía trước - sau vỗ hai tay vào nhau, xoay tròn hai vai.  - Lưng, bụng, lườn:  + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau.  + Quay sang trái, sang phải.  + Nghiêng người sang trái, sang phải.  + Đứng cúi người về phía trước.  - Chân:  + Đứng, một chân đưa lên trước, khuỵu gối.  + Đứng, một chân nâng cao gập gối.  + Đứng nhún chân, khuỵ gối.  + Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng.  + Bật lên trước, ra sau, sang ngang. | **\* Hoạt động thể dục sáng:**  **- Nhánh 1, 2:**  + Hô hấp: Thổi nơ.  + Tay 4: Đưa 2 tay ra phía trước - sau vỗ hai tay vào nhau, xoay tròn hai vai.  + Bụng 1: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau  + Chân 2: Đứng, một chân nâng cao - gập gối.  **- Nhánh 3, 4:**  + Hô hấp: Thổi bong bóng  + Tay 3: Đưa hai tay phía trước, sang hai bên kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay  + Bụng 4: Đứng cúi người về phía trước.  + Chân 1: Đứng, một chân đưa lên trước, khuỵu gối. |
| **MT7:** Trẻ biết bò trong đường dích dắc (3- 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. | - Bò bằng tay và bàn chân.  - Bò dích dắc qua 5 điểm.  - Bò chui qua cổng, ống dải 12m x 0,6m.  - Bò trong đường dích dắc (qua 3, 4 điểm  dích dắc). | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 1: Bò bằng tay và bàn chân.  - Nhánh 2: Bò dích dắc qua 5 điểm.  - Nhánh 3: Bò chui qua cổng, ống dải 12m x 0,6m.  - Nhánh 4: Bò trong đường dích dắc (qua 3, 4 điểm  dích dắc) |
| **MT 16:** Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: Vẽ hình người, nhà, cây; Cắt thành thạo theo đường thẳng; Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối; Biết tết sợi đôi; Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. | - Gập giấy.  - Lắp ghép hình.  - Xé, cắt đường thẳng.  - Tô, vẽ hình.  - Xếp chồng.  - Tết sợi.  - Cài, cởi cúc, kéo khóa, xâu luồn, buộc dây. | - Hoạt động góc, hoạt động ngoài trời:  Xây nông trại rau sạch, vườn hoa, xây công viên |
| ***Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ*** | | |
| **MT 20:** Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở. | - Cách rửa tay bằng xà phòng, cách lau mặt, đánh răng.  - Các đồ dùng cần thiết để rửa tay, lau mặt, đánh răng.  - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.  - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. | - Hoạt động chơi, hoạt động ăn, hoạt động trả trẻ. |
| **MT 21:** Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. Chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Không uống nước lã. | - Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kĩ.  - Khi ăn không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.  - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn. | - Hoạt động ăn: trẻ biết mời cô,mời các bạn,có thói quen vệ sinh trong khi ăn. |
| **2. Phát triển nhận thức** | | |
| ***Khám phá khoa học*** | | |
| **MT 34:** Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật và hiện tượng gần gũi, tìm hiểu nguyên nhân xảy ra các sự vật, hiện tượng đó. | - Các mối quan hệ đơn giản giữa con người, cây cối, con vật với môi trường sống.  - Giải thích được các nguyên nhân xảy ra các sự vật, hiện tượng đơn giản xung quanh (cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn, các hiện tượng tự nhiên (cây bị héo, lá bị ướt, mưa, bão…).  - Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. | - Hoạt động chơi: Chăm sóc các cây xanh, gieo hạt. Quan sát sự nẩy mầm của cây |
| **MT 38:** Trẻ nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây cối, hoa, quả gần gũi. | - Gọi tên nhóm cây cối, hoa, quả gần gũi xung quanh.  - Đặc điểm, lợi ích của một số cây cối, hoa, quả.  - Cách chăm sóc, bảo vệ.  - Mối liên hệ với môi trường sống.  - So sánh sự giống và khác nhau của một số cây cối, hoa, quả. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 1: Tìm hiểu về quá trình phát triển của cây xanh.  - Nhánh 3: Dạy trẻ biết bảo vệ, chăm sóc hoa và cây xanh. |
| ***Làm quen với khái niệm sơ đẳng về toán*** | | |
| **MT 50:** Trẻ biết so sánh sự khác nhau về kích thước của 2 đối tượng. | - So sánh, sắp thứ tự về chiều dài của các đối tượng (từ 3 đt trở lên).  - So sánh, sắp thứ tự về chiều cao của các đối tượng (từ 3 đt trở lên).  - So sánh, sắp thứ tự về độ lớn của các đối tượng (từ 3 đt trở lên) | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 2: So sánh, sắp thứ tự về chiều cao của các đối tượng (từ 3 đt trở lên). |
| **MT51:** Trẻ biết được sự giống nhau và khác nhau giữa các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, chữ nhật qua một vài dấu hiệu nổi bật. | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của hình tam giác - hình tròn.  - So sánh sự khác nhau và giống nhau của hình vuông - hình chữ nhật.  - Chắp ghép các hình học tạo thành các hình mới theo ý thích hoặc theo yêu cầu.  - Chắp ghép các hình học tạo thành bức tranh. | \* Hoạt động học:  - Nhánh 3: So sánh sự khác nhau và giống nhau của hình tam giác - hình tròn.  - Nhánh 4: So sánh sự khác nhau và giống nhau của hình vuông - hình chữ nhật. |
| **3. Phát triển ngôn ngữ** | | |
| ***Nghe*** | | |
| **MT 63:** Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ, phương tiện giao thông… | - Hiểu các từ chỉ tên gọi, đặc điểm, tính chất, công dụng, các loại rau, quả, con vật,… và các từ biểu cảm.  - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. | - Hoạt động đón trẻ, hoạt động học, hoạt động góc, ngoài trời. |
| **MT 66:** Trẻ biết nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. | - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 1: Truyện: Cây táo thần.  - Nhánh 2: Thơ: Hoa kết trái.  - Nhánh 3: Truyện: Củ cải trắng.  - Nhánh 4: Đồng dao: Lúa ngô là cô đậu nành. |
| ***Nói*** | | |
| **MT 69:** Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. | - Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hằng ngày.  - Trả lời các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?... | - Hoạt động đón trẻ, hoạt động học, hoạt động góc, ngoài trời. |
| **MT 76:** Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao. | - Đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao theo chủ đề.  - Đọc biểu cảm kết hợp cử chỉ điệu bộ bài thơ, đồng dao đơn giản. | - Hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động chiều. |
| ***Làm quen với đọc, viết*** | | |
| **MT 78:** Trẻ biết chọn sách, sử dụng sách. | - Chọn sách theo ý thích để xem.  - Chọn sách theo chủ đề nào đó khi được yêu cầu.  - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc truyện”.  - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.  - Phân biệt mở đầu, kết thúc của sách.  - Giữ gìn, bảo vệ sách. | - Hoạt động góc, hoạt động chiều. |
| **4. Phát triên tình cảm và kĩ năng xã hội** | | |
| ***Phát triển kĩ năng xã hội*** | | |
| **MT 85:** Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực. | - Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.  - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).  - Vui vẻ nhận công việc được giao.  - Mạnh dạn, tự tin trong sinh hoạt, trong giao tiếp, mạnh dạn chia sẻ thông tin của bản thân với mọi người.  - Chơi các trò chơi, các tình huống để trải nghiệm khám phá về bản thân. | - Hoạt động đón trẻ, hoạt động học, hoạt động góc, ngoài trời. |
| ***Phát triển kĩ năng xã hội*** | | |
| **MT 96:** Trẻ thích chăm sóc cây cối và các con vật quen thuộc. | - Thích thú, vui vẻ nhận nhiệm vụ chăm sóc, tưới cây, cho con vật quen thuộc, hiền lành ăn.  - Không bẻ cành, ngắt hoa. | - Hoạt động đón trẻ, hoạt động học, hoạt động góc, ngoài trời. |
| **MT 97:** Trẻ biết giữ gìn và bảo vệ môi trường. | - Giữ gìn vệ sinh môi trường: Bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc con vật, cây cảnh.  - Có những hành vi tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: không để nước tràn khi rửa tay, tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng.  - Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi. | - Hoạt động góc, hoạt động ngoài trời. |
| **5. Phát triển thẩm mĩ** | | |
| ***Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và nghệ thuật*** | | |
| **MT 99:** Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, kể câu chuyện. | - Hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.  - Nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe kể câu chuyện | - Hoạt động học, hoạt động góc. |
| ***Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình*** | | |
| **MT 102:** Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ. | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. | **\* Hoạt động học:**  + Nhánh 1:  - Dạy hát: Em yêu cây xanh.  + Nhánh 3: Vận động: Múa cho mẹ xem.  + Nhánh 4: BDVN Em yêu cây xanh. Hoa trường em. Quả. |
| **MT 104:** Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, tạo ra các sản phẩm. | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 1: Vẽ cây dừa  - Nhánh 2: Xé dán hoa  - Nhánh 4: Nặn một số loại rau, củ. |
| ***Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật*** | | |
| **MT 112:** Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | - Tạo ra các sản phẩm theo ý tưởng.  - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. | - Hoạt động tạo hình, hoạt động góc. |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**TUẦN 21 THÁNG 02**

**LỚP MẪU GIÁO 4 TUỔI A1**

**Chủ đề: Thế giới thực vật**

**Chủ đề nhánh: Em yêu cây xanh**

Thời gian thực hiện: Từ ngày 17/02/2025 đến ngày 21/02/2025

Số lượng trẻ trong lớp: 26

Số giáo viên/lớp, tên giáo viên: 02, Triệu Thị Thanh Thuý - Trương Thị Ngọc Thảo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ**  **Thời điểm** | **Thứ hai** | **Thứ ba** | | **Thứ tư** | | **Thứ năm** | | **Thứ sáu** |
| **Đón trẻ**  **-**  **Chơi**  **-**  **Thể dục sáng** | **1. Đón trẻ:**  - Đón trẻ vào lớp, hướng dẫn trẻ cất đồ dùng đúng nơi quy định. Trò chuyện trao đổi với phụ huynh về tình hình của trẻ  - Chơi theo ý thích.  - Hướng trẻ về góc xem tranh ảnh, video về chủ đề.  **2. Thể dục sáng:**  + Hô hấp: Thổi nơ.  + Tay 4: Đưa 2 tay ra phía trước - sau vỗ hai tay vào nhau, xoay tròn hai vai.  + Bụng 1: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau  + Chân 2: Đứng, một chân nâng cao - gập gối.  **3. Điểm danh:**  - Điểm danh.  - Dự báo thời tiết trong ngày. | | | | | | | |
| **Hoạt động học** | **\* Thể dục:**  - Bò bằng bàn tay và bàn chân.  - TCVĐ: Mèo đuổi chuột | **\* KPXH:**  - Tìm hiểu về quá trình phát triển của cây xanh. | **\* Tạo hình:**  - Vẽ cây dừa  (Mẫu) | | | **\* Giáo dục âm nhạc:**  - Dạy hát: Em yêu cây xanh.  - Nghe hát: Lý cây đa  - TCÂN: Vũ điệu hoá đá. | | **\* Làm quen với văn học**  - Truyện: Cây táo thần. |
| **Tăng cường tiếng việt** | ***-*** Bò luân phiên tay, chân. | - Gieo hạt, cây trưởng thành. | - Quả dừa, nét xiên. | | | - Cây xanh, nhảy nhót, hoá đá | | - Cây táo, lộn cầu vồng. |
| **Hoạt động góc** | **1. Góc đóng vai**: Gia đình, nấu ăn, bán hàng.  **2. Góc xây dựng, lắp ghép**: Xây dựng công viên cây xanh, xây vườn hoa.  **3. Góc nghệ thuật**: xé, dán, tô màu một số loại cây, hát bài hát về chủ đề.  **4. Góc sách, truyện**: Xem truyện tranh, làm sách về cây xanh.  **5. Góc thiên nhiên**: Chăm sóc các cây xanh, gieo hạt. Quan sát sự nẩy mầm của cây. | | | | | | | |
| **Tăng cường tiếng việt** | - Gói đồ ăn, gia đình chăm sóc con.  - Cây xanh, xé dải, xé bấm. | | | | | | | |
| **Hoạt động ngoài trời** | **1. Hoạt động có chủ đích:**  - Quan sát sự nảy mầm cuả hạt.  - Quan sát cây Ôsaka. Quan sát cây keo.  **2. Trò chơi vận động:**  - Lá nào cây ấy, lộn cầu vồng, ném còn.  **3. Chơi tự chọn**:  - Vẽ cây theo ý thích trên sân, xếp hình, chơi thổi bóng bóng xà phòng | | | | | | | |
| **Tăng cường tiếng việt** | - Gieo hạt, nảy mầm.  - Cây Ôsaka. Cây keo, cây lấy gỗ. | | | | | | | |
| **Hoạt động ăn** | **1. Trước khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng.  **2. Trong khi ăn:**  - Giới thiệu tên món ăn, giá trị dinh dưỡng trong bữa ăn.  - Cho trẻ vào bàn ăn trưa, ăn chiều.  **3. Sau khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ cất bát, thìa. Vệ sinh sau khi ăn. | | | | | | | |
| **Hoạt động ngủ** | **1. Trước khi ngủ:**  - Hướng trẻ lấy gối vào đúng chỗ.  - Cho trẻ đọc thơ "Giờ đi ngủ".  **2. Trong khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn giữ gìn trật tự.  **3. Sau khi ngủ:**  - Hướng trẻ cất đồ gọn gàng đúng quy định sau khi ngủ dậy. | | | | | | | |
| **Chơi, hoạt động theo ý thích** | **1. Vận động sau khi ngủ dậy:**  - Bài: Ồ sao bé không lắc  **2. Ôn luyện:** | | | | | | | |
| - Ôn: Bò bằng bàn tay và bàn chân. | - Ôn: Tìm hiểu về quá trình phát triển của cây xanh.  *- Chơi với bộ dụng cụ chăm sóc cây.* | | | - Ôn: Vẽ cây dừa.  *- Chơi với màn hình thông minh* | | - Ôn: Dạy hát: Em yêu cây xanh. | - Ôn: Kể truyện cây táo thần. |
| **\* Hoạt động tăng cường Tiếng việt**  - Thứ 2: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Bò luân phiên tay, chân.  - Thứ 3: Dạy trẻ nói các câu có chứa từ: Gieo hạt, cây trưởng thành.  - Thứ 4: Dạy trẻ nói các câu có chứa từ: Quả dừa, nét xiên.  - Thứ 5: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Cây xanh, nhảy nhót, hoá đá  - Thứ 6: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Cây táo. Lộn cầu vồng | | | | | | | |
| **3. Chơi tự do:** Chơi theo ý thích  - Chơi đồ chơi các góc | | | | | | | |
| **Trả trẻ** | **1. Nhận xét, nêu gương.**  - Nhận xét trong ngày.  - Nêu gương bé ngoan cuối ngày, tuần.  **2. Trả trẻ.**  - Chuẩn bị đồ dùng.  - Trao đổi với phụ huynh về tình hình trẻ trong ngày. | | | | | | | |

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tuần*(Kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại và nguyên nhân...).*

\* Kết quả thực hiện:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những thuận lợi, khó khăn:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những tồn tại và nguyên nhân:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**TUẦN 22 THÁNG 02**

**LỚP MẪU GIÁO 4 TUỔI A1**

**Chủ đề: Thế giới thực vật**

**Chủ đề nhánh: Một số loại hoa**

Thời gian thực hiện: Từ ngày 24/02/2025 đến ngày 28/02/2025

Số lượng trẻ trong lớp: 26

Số giáo viên/lớp, tên giáo viên: 02, Triệu Thị Thanh Thuý - Trương Thị Ngọc Thảo

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ**  **Thời điểm** | **Thứ hai** | **Thứ ba** | **Thứ tư** | **Thứ năm** | **Thứ sáu** |
| **Đón trẻ**  **-**  **Chơi**  **-**  **Thể dục sáng** | **1. Đón trẻ:**  - Đón trẻ vào lớp, hướng dẫn trẻ cất đồ dùng đúng nơi quy định, trao đổi với phụ huynh về tình hình của trẻ  - Chơi theo ý thích.  - Hướng trẻ về góc xem tranh, ảnh về một số loại hoa.  **2. Thể dục sáng:**  + Hô hấp: Thổi nơ.  + Tay 4: Đưa 2 tay ra phía trước - sau vỗ hai tay vào nhau, xoay tròn hai vai.  + Bụng 1: Cúi về phía trước, ngửa người ra sau  + Chân 2: Đứng, một chân nâng cao - gập gối.  **3. Điểm danh:**  - Điểm danh. Dự báo thời tiết trong ngày. | | | | |
| **Hoạt động học** | **\* Thể dục:**  **-** Bò dích dắc qua 5 điểm.  - TCVĐ: Kéo co | **\* Làm quen với toán:**  - So sánh, sắp thứ tự về chiều cao của các đối tượng (từ 3 đt trở lên) | **\* Khám phá khoa học:**  - Tìm hiểu về một số loại hoa | **\* Tạo hình:**  - Xé dán hoa  (Đề tài) | **\* Làm quen với văn học**  - Thơ: Hoa kết trái. |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | - Bò dích dắc. Vật chuẩn | - Cao nhất, thấp nhất, thấp hơn | - Nhuỵ hoa, nụ hoa | - Hoa đồng tiền, hoa cúc | - Kết trái. Đốm lửa. |
| **Hoạt động góc** | **1. Góc đóng vai**: Gia đình, nấu ăn, cửa hàng,  **2. Góc xây dựng, lắp ghép**: Xây dựng công viên cây xanh, vườn hoa của bé.  **3. Góc nghệ thuật**: Dán, tô màu một số loại hoa, biểu diễn bài hát về chủ đề.  **4. Góc học sách**, **truyện:** Xem truyện tranh, làm sách về một số loại hoa.  **5. Góc thiên nhiên**: Chăm sóc các loại hoa. | | | | |
| **Tăng cường tiếng việt** | - Cửa hàng hoa.  - Cây ra hoa, kết trái. Dán, tô tranh hoa. | | | | |
| **Hoạt động ngoài trời** | **1. Hoạt động có chủ đích:**  - Đi dạo quan sát thời tiết bầu trời, lắng nghe âm thanh trên sân trường.  - Quan sát hoa cúc, hoa đồng tiền.  **2. Trò chơi vận động:**  - Ai hái quả nhanh hơn, thi xem tổ nào nhanh. Bịt mắt bắt dê.  **3. Chơi tự chọn:**  - Vẽ theo ý thích trên sân, xếp hình các loại hoa, chơi thổi bong bóng xà phòng. | | | | |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | - Hoa cúc, cánh dài. Hoa đồng tiền  - Nhuỵu hoa, đài hoa. | | | | |
| **Hoạt động ăn** | **1. Trước khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng.  **2. Trong khi ăn:**  - Giới thiệu tên món ăn, giá trị dinh dưỡng trong bữa ăn.  - Cho trẻ vào bàn ăn trưa, ăn chiều.  **3. Sau khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ cất bát, thìa. Vệ sinh sau khi ăn. | | | | |
| **Hoạt động ngủ** | **1. Trước khi ngủ:**  - Hướng trẻ lấy gối vào đúng chỗ.  - Cho trẻ đọc thơ "Giờ đi ngủ".  **2. Trong khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn giữ gìn trật tự.  **3. Sau khi ngủ:**  - Hướng trẻ cất đồ gọn gàng đúng quy định sau khi ngủ dậy. | | | | |
| **Chơi, hoạt động theo ý thích** | **1. Vận động sau khi ngủ dậy:**  - Bài: Bóng tròn to.  **2. Ôn luyện:** | | | | |
| - Ôn: Bò dích dắc qua 5 điểm. | - Ôn: So sánh, sắp thứ tự về chiều cao của các đối tượng (từ 3 đt trở lên) | - Ôn: Tìm hiểu về một số loại hoa | - Ôn: Xé dán hoa.  *- Chơi với dụng cụ chăm sóc cây.* | - Ôn: Thơ Hoa kết trái. |
| **\* Hoạt động tăng cường Tiếng việt**  - Thứ 2: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Bò dích dắc. Vật chuẩn  - Thứ 3: Dạy trẻ nói các từ: Cao nhất, thấp nhất, thấp hơn  - Thứ 4: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Nhuỵ hoa, nụ hoa  - Thứ 5: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Hoa đồng tiền, hoa cúc  - Thứ 6: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Kết trái. Đốm lửa. | | | | |
| **3. Chơi tự do:** Chơi theo ý thích  - Chơi đồ chơi các góc | | | | |
| **Trả trẻ** | **1. Nhận xét, nêu gương.**  - Nhận xét trong ngày.  - Nêu gương bé ngoan cuối ngày, tuần.  **2. Trả trẻ.**  - Chuẩn bị đồ dùng.  - Trao đổi với phụ huynh về tình hình trẻ trong ngày. | | | | |

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tuần*(Kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại và nguyên nhân...).*

\* Kết quả thực hiện:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những thuận lợi, khó khăn:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những tồn tại và nguyên nhân:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**TUẦN 23 THÁNG 03**

**LỚP MẪU GIÁO 4 TUỔI A1**

**Chủ đề: Thế giới thực vật**

**Chủ đề nhánh: Ngày hội của bà và mẹ**

Thời gian thực hiện: Từ ngày 03/03/2025 đến ngày 07/03/2025

Số lượng trẻ trong lớp: 26

Số giáo viên/lớp, tên giáo viên: 02, Triệu Thị Thanh Thuý - Trương Thị Ngọc Thảo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ**  **Thời điểm** | **Thứ hai** | | | **Thứ ba** | **Thứ tư** | **Thứ năm** | **Thứ sáu** | |
| **Đón trẻ**  **-**  **Chơi**  **-**  **Thể dục sáng** | **1. Đón trẻ:**  - Đón trẻ vào lớp, hướng dẫn trẻ cất đồ dùng đúng nơi quy định. Trao đổi với phụ huynh về tình hình sức khoẻ, học tập của trẻ.  - Chơi theo ý thích, hướng trẻ về góc quan sát tranh về chủ đề.  **2. Thể dục sáng:**  + Hô hấp: Thổi bong bóng  + Tay 3: Đưa hai tay phía trước, sang hai bên kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay  + Bụng 4: Đứng cúi người về phía trước.  + Chân 1: Đứng, một chân đưa lên trước, khuỵu gối.  **3. Điểm danh:**  - Điểm danh. Dự báo thời tiết trong ngày. | | | | | | | | | |
| **Hoạt động học** | **\* Thể dục:**  -Bò chui qua cổng dài 12mx0,6m  - TCVĐ:  Con Bọ dừa | **\* Kỹ năng sống:**  - Dạy trẻ biết bảo vệ, chăm sóc hoa và cây xanh. | | | **\* Làm quen với toán:**  - So sánh sự khác nhau và giống nhau của hình tam giác, hình tròn | **\* Giáo dục âm nhạc :**  - Vận động: Múa cho mẹ xem.  - Nghe hát: Hoa thơm bướm lượn  - TCÂN: Bao nhiêu bạn hát. | **\* Làm quen với văn học:**  - Truyện: Củ cải trắng. | |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | - Chui qua cổng, chân sát sàn. | - Bảo vệ, chăm sóc cây xanh. | | | - Đường bao tròn, cạnh góc. | - Trồng cây, nhảy nhót | - Củ cải trắng, bạn tốt. | |
| **Hoạt động góc** | **1. Góc đóng vai**: Cửa hàng thực phẩm, gia đình, nấu ăn.  **2. Góc xây dựng, lắp ghép**: Xây nông trại, vườn rau sạch, xếp vườn cây ăn quả.  **3. Góc nghệ thuật**: Trang trí bưu thiếp tặng bà tặng mẹ. Biểu diễn các bài hát về chủ đề.  **4. Góc sách, truyện**: Xem truyện tranh về các hoạt động của ngày hội 8/3, làm sách tranh về các hoạt động của bà và mẹ.  **5. Góc thiên nhiên**: Chăm sóc vườn cây, vườn hoa | | | | | | | | | |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | - Đồ chơi xếp hình. Vườn cây ăn quả, vườn hoa.  - Bán hàng, trả lại tiền. | | | | | | | | | |
| **Hoạt động ngoài trời** | **1. Hoạt động có chủ đích:**  - Quan sát vườn hoa.  - Hoạt động lao động: Chăm sóc vườn rau  - Làm bưu thiếp tặng bà và mẹ từ nguyên vật liệu sẵn có.  **2. Trò chơi vận động:**  - Mèo đuổi chuột; Trồng nụ trồng hoa; Thi đội nào nhanh.  **3. Chơi tự chọn:**  - Vẽ theo ý thích trên sân. Xếp hột hạt. | | | | | | | | | |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | - Cây chuối, cây cà chua.  - Trồng nụ trrồng hoa. Xếp hột hạt. | | | | | | | | | |
| **Hoạt động ăn** | **1. Trước khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng.  **2. Trong khi ăn:**  - Giới thiệu tên món ăn, giá trị dinh dưỡng trong bữa ăn.  - Cho trẻ vào bàn ăn trưa, ăn chiều.  **3. Sau khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ cất bát, thìa. Vệ sinh sau khi ăn. | | | | | | | | | |
| **Hoạt động ngủ** | **1. Trước khi ngủ:**  - Hướng trẻ lấy gối vào đúng chỗ.  - Cho trẻ đọc thơ "Giờ đi ngủ".  **2. Trong khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn giữ gìn trật tự.  **3. Sau khi ngủ:**  - Hướng trẻ cất đồ gọn gàng đúng quy định sau khi ngủ dậy. | | | | | | | | | |
| **Chơi, hoạt động theo ý thích** | **1. Vận động sau khi ngủ dậy:**  - Bài: Bóng tròn to. Ồ sao bé không lắc.  **2. Ôn luyện:** | | | | | | | | | |
| - Ôn: Bò chui qua cổng dài 12mx0,6m | | - Ôn: Dạy trẻ biết bảo vệ, chăm sóc hoa và cây xanh.  *- Chơi với cà kheo* | | - Ôn: So sánh sự khác nhau và giống nhau của hình tam giác, hình tròn | - Ôn: Vận động: Múa cho mẹ xem.  *- Chơi với màn hình thông minh* | | - Ôn: Truyện Củ cải trắng | |
| **\* Hoạt động tăng cường Tiếng việt**  - Thứ 2: Dạy trẻ nói các từ: Chui qua cổng, chân sát sàn.  - Thứ 3: Dạy trẻ nói câu có chứa từ: Bảo vệ, chăm sóc cây xanh.  - Thứ 4: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Đường bao tròn, cạnh góc.  - Thứ 5: Dạy trẻ nói các từ: Trồng cây, nhảy nhót  - Thứ 6: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Củ cải trắng, bạn tốt. | | | | | | | | | |
| **3. Chơi tự do:** Chơi theo ý thích  - Chơi đồ chơi các góc | | | | | | | | | |
| **Trả trẻ** | **1. Nhận xét, nêu gương.**  - Nhận xét trong ngày.  - Nêu gương bé ngoan cuối ngày, tuần.  **2. Trả trẻ.** Chuẩn bị đồ dùng.  - Trao đổi với phụ huynh về tình hình trẻ trong ngày. | | | | | | | | | |

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tuần*(Kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại và nguyên nhân...).*

\* Kết quả thực hiện:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những thuận lợi, khó khăn:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những tồn tại và nguyên nhân:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**TUẦN 24 THÁNG 03**

**LỚP MẪU GIÁO 4 TUỔI A1**

**Chủ đề: Thế giới thực vật**

**Chủ đề nhánh: Một số loại rau, củ.**

Thời gian thực hiện: Từ ngày 10/03/2025 đến ngày 14/03/2025

Số lượng trẻ trong lớp: 26

Số giáo viên/lớp, tên giáo viên: 02, Triệu Thị Thanh Thuý - Trương Thị Ngọc Thảo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ**  **Thời điểm** | **Thứ hai** | | **Thứ ba** | | **Thứ tư** | | **Thứ năm** | **Thứ sáu** |
| **Đón trẻ**  **-**  **Chơi**  **-**  **Thể dục sáng** | **1. Đón trẻ:**  - Đón trẻ vào lớp, hướng dẫn trẻ cất đồ dùng đúng nơi quy định. Trao đổi với phụ huynh về tình hình sức khoẻ, học tập của trẻ.  - Chơi theo ý thích, hướng trẻ về góc quan sát tranh về chủ đề.  **2. Thể dục sáng:**  + Hô hấp: Thổi bong bóng  + Tay 3: Đưa hai tay phía trước, sang hai bên kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay  + Bụng 4: Đứng cúi người về phía trước.  + Chân 1: Đứng, một chân đưa lên trước, khuỵu gối.  **3. Điểm danh:**  - Điểm danh.  - Dự báo thời tiết trong ngày. | | | | | | | | |
| **Hoạt động học** | **\* Thể dục:**  -Bò trong đường dích dắc (qua 4 điểm dích dắc)  - TCVĐ:  Đua thuyền | **\* Làm quen với toán:**  - So sánh sự khác nhau và giống nhau của hình vuông, hình chữ nhật. | | | **\* Giáo dục âm nhạc :**  - BDVN: Em yêu cây xanh. Hoa trường em. Quả.  - NH: Vườn cây của ba  - TCÂN: Hát theo hình vẽ | | **\* Tạo hình:**  - Nặn một số loại rau, củ.  (Đề tài) | **\* Làm quen với văn học:**  - Đồng dao: Lúa ngô là cô đậu nành. |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | - Bò dích dắc. | - Hình vuông, hình chữ nhật. | | | - Cây xù xì, cây có gai | | - Lăn dọc, ấn dẹt, xoay tròn | - Lúa ngô. Đậu nành. |
| **Hoạt động góc** | **1. Góc đóng vai**: Cửa hàng thực phẩm, gia đình nấu ăn.  **2. Góc xây dựng, lắp ghép**: Xây nông trại, vườn rau sạch, xếp vườn hoa.  **3. Góc nghệ thuật**: Tô màu các loại rau, củ, quả.  **4. Góc sách, truyện**: Xem truyện tranh về các loại rau, làm sách tranh về các loại rau.  **5. Góc thiên nhiên**: Chăm sóc rau, gieo hạt. | | | | | | | | |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | - Đồ chơi xếp hình. Vườn rau.  - Bán rau, trả lại tiền. | | | | | | | | |
| **Hoạt động ngoài trời** | **1. Hoạt động có chủ đích:**  - Quan sát cây bắp cải. Quan sát cây cà chua.  - Hoạt động lao động.  **2. Trò chơi vận động:** Bánh xe quay; Ném còn; Kéo co.  **3. Chơi tự chọn:**  - Vẽ theo ý thích trên sân. Xếp các loại rau, củ bằng hột hạt. | | | | | | | | |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | - Rau bắp cải, cây cà chua.  - Ném còn. Xếp hột hạt. | | | | | | | | |
| **Hoạt động ăn** | **1. Trước khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng.  **2. Trong khi ăn:**  - Giới thiệu tên món ăn, giá trị dinh dưỡng trong bữa ăn.  - Cho trẻ vào bàn ăn trưa, ăn chiều.  **3. Sau khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ cất bát, thìa. Vệ sinh sau khi ăn. | | | | | | | | |
| **Hoạt động ngủ** | **1. Trước khi ngủ:**  - Hướng trẻ lấy gối vào đúng chỗ.  - Cho trẻ đọc thơ "Giờ đi ngủ".  **2. Trong khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn giữ gìn trật tự.  **3. Sau khi ngủ:**  - Hướng trẻ cất đồ gọn gàng đúng quy định sau khi ngủ dậy. | | | | | | | | |
| **Chơi, hoạt động theo ý thích** | **1. Vận động sau khi ngủ dậy:**  - Bài: Bóng tròn to. Ồ sao bé không lắc.  **2. Ôn luyện:** | | | | | | | | |
| - Ôn: Bò trong đường dích dắc | - Ôn: So sánh sự khác nhau và giống nhau của hình vuông, hình chữ nhật. | | - Ôn: BDVN: Em yêu cây xanh. Hoa trường em. Quả. | | - Ôn: Nặn một số loại rau, củ.  *- Chơi với màn hình thông minh* | | - Ôn: Đồng dao: Lúa ngô là cô đậu nành.  *- Chơi với bộ đồi núi* |
| **\* Hoạt động tăng cường Tiếng việt**  - Thứ 2: Dạy trẻ nói các từ: Bò dích dắc.  - Thứ 3: Dạy trẻ nói câu có chứa từ: Hình vuông, hình chữ nhật.  - Thứ 4: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Cây xù xì, cây có gai  - Thứ 5: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Lăn dọc, ấn dẹt, xoay tròn  - Thứ 6: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Lúa ngô. Đậu nành. | | | | | | | | |
| **3. Chơi tự do:**  - Chơi theo ý thích  - Chơi đồ chơi các góc | | | | | | | | |
| **Trả trẻ** | **1. Nhận xét, nêu gương.**  - Nhận xét trong ngày.  - Nêu gương bé ngoan cuối ngày, tuần.  **2. Trả trẻ.**  **-** Chuẩn bị đồ dùng.  - Trao đổi với phụ huynh về tình hình trẻ trong ngày. | | | | | | | | |

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tuần*(Kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại và nguyên nhân...).*

\* Kết quả thực hiện:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những thuận lợi, khó khăn:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những tồn tại và nguyên nhân:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

**CHỦ ĐỀ: THẾ GIỚI THỰC VẬT**

*(Kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại*

*và nguyên nhân...).*

\* Kết quả thực hiện:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những thuận lợi, khó khăn:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những tồn tại và nguyên nhân:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

**XÁC NHẬN CỦA BGH**

**P. Hiệu trưởng**

**Lý Thị Trang**